TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY,
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/DS-ST
Ngày: 04/5/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh
- Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***:** Bà Trần Thị Kim Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn Tr, sinh năm: 1963; Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1965. Cùng địa chỉ: ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh TG.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tr, bà Đ: Anh Trương Văn D, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh TG. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018) (Xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt); Bà Lê Thị U, sinh năm 1974 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trương Văn D trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017 bà Nguyễn Thị Đ và ông Trương Văn Tr có tham gia chơi hụi do ông Phan Văn S và bà Lê Thị U làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

- Dây 1: Mở vào ngày 20/10/2015 (âl), hụi 1.000.000 đồng, một tháng mở hụi một lần, hụi có 30 phần, trong đó bà Đ và ông Tr tham gia một phần. Bà Đ và ông Tr đã đóng được 25 lần (tháng 9 âl/2017) thì ông S và bà U tuyên bố bể hụi và đã ngưng không tổ chức khui hụi và vẫn không chịu trả tiền hụi cho bà Đ và ông Tr. Trong dây hụi này, ông S và bà U nợ bà Đ và ông Tr số tiền vốn

20.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng. Tổng cộng: 25.000.000 đồng.

- Dây 2: Mở vào ngày 10/01/2016 (âl), hụi 500.000 đồng, một tháng mở hụi một lần, hụi có 30 phần, trong đó bà Đ và ông Tr tham gia một phần. Bà Đ và ông Tr đã đóng được 21 lần thì ông S và bà U tuyên bố bể hụi và đã ngưng không tổ chức khui hụi và vẫn không chịu trả tiền hụi cho bà Đ và ông Tr. Trong dây hụi này, ông S và bà U nợ bà Đ và ông Tr số tiền vốn 8.400.000 đồng và lãi 2.100.000 đồng. Tổng cộng: 10.500.000 đồng.

- Dây 3: Mở vào ngày 20/05/2016 (âl), hụi 500.000 đồng, một tháng mở hụi một lần, hụi có 30 phần, trong đó bà Đ và ông Tr tham gia một phần. Bà Đ và ông Tr đã đóng được 17 lần thì ông S và bà U tuyên bố bể hụi và đã ngưng không tổ chức khui hụi và vẫn không chịu trả tiền hụi cho bà Đ và ông Tr. Trong dây hụi này, ông S và bà U nợ bà Đ và ông Tr số tiền vốn 6.800.000 đồng và lãi 1.700.000 đồng. Tổng cộng: 8.500.000 đồng.

- Dây 4: Mở vào ngày 15/10/2016 (âl), hụi 1.000.000 đồng, một tháng mở hụi một lần, hụi có 34 phần, trong đó bà Đ và ông Tr tham gia một phần. Bà Đ và ông Tr đã đóng được 13 lần thì ông S và bà U tuyên bố bể hụi và đã ngưng không tổ chức khui hụi và vẫn không chịu trả tiền hụi cho bà Đ và ông Tr. Trong dây hụi này, ông S và bà U nợ bà Đ và ông Tr số tiền vốn 10.400.000 đồng và lãi 2.600.000 đồng. Tổng cộng: 13.000.000 đồng.

- Dây 5: Mở vào ngày 02/02/2017 (âl), hụi 1.000.000 đồng, một tháng mở hụi một lần, hụi có 30 phần, trong đó bà Đ và ông Tr tham gia một phần. Bà Đ và ông Tr đã đóng được 09 lần thì ông S và bà U tuyên bố bể hụi và đã ngưng không tổ chức khui hụi và vẫn không chịu trả tiền hụi cho bà Đ và ông Tr. Trong dây hụi này, ông S và bà U nợ bà Đ và ông Tr số tiền vốn 7.200.000 đồng và lãi 1.800.000 đồng. Tổng cộng: 9.000.000 đồng.

Tổng cộng 05 dây hụi trên bà U và ông S nợ bà Đ và ông Tr số tiền hụi vốn là 52.800.000 đồng và số tiền hụi lãi là 13.200.000 đồng. Tổng cộng: 66.000.000 đồng.

Nay yêu cầu ông Phan Văn S và bà Lê Thị U cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Trương Văn Tr số tiền hụi vốn là 52.800.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi hụi.

Tại tờ tự khai ngày 05/02/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị U trình bày: Bà thừa nhận có đứng ra tổ chức góp hụi và làm chủ hụi của các dây hụi như ông Tr và bà Đ trình bày trên là đúng, hiện tại các dây hụi đều đã bị bể hụi và bà có nợ ông Tr, bà Đ số tiền hụi vốn là 52.800.000đ. Theo yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà Đ bà đồng ý trả cho ông Tr, bà Đ số tiền 52.800.000đ. Riêng đối với ông Phan Văn S là chồng của bà không cùng với bà đứng ra tổ chức góp hụi mà ông S chỉ có đi gom (thu) tiền hụi của ông Tr, bà Đ thay cho bà được vài lần thôi.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 08/01/2018, bị đơn ông Phan Văn S trình bày: Ông xác định hợp đồng góp hụi mà ông đang là bị đơn thực chất là hợp đồng góp hụi giữa vợ ông là bà Lê Thị U với các hụi viên chứ ông không liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trương Văn D, bị đơn ông Phan Văn S đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt; Riêng đối với bị đơn bà Lê Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Nguyên đơn ông Trương Văn Tr và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện bị đơn ông Phan Văn S và bị Lê Thị U về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Tuy các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải bị đơn bà Lê Thị U thừa nhận có tổ chức góp hụi và làm chủ hụi của 05 dây hụi, khui vào các ngày 20/10/2015 (âl), 10/01/2016 (âl), 20/05/2016 (âl), 15/10/2016 (âl), 02/02/2017 (âl), các dây hụi này ông Trương Văn Tr và bà Nguyễn Thị Đ đều có tham gia góp hụi với tư cách là hụi viên, hiện tại các dây hụi đều đã bị bể và bà U thừa nhận có nợ ông Tr, bà Đ số tiền hụi vốn tổng cộng 52.800.000đ và cũng đồng ý trả cho ông Tr, bà Đ số tiền này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà Đ đòi bà U trả số tiền hụi vốn 52.800.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr, bà Đ buộc ông S cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà U trả số tiền hụi vốn 52.800.000đ nêu trên là có căn cứ. Bởi lẽ, bà U và ông S là vợ chồng, trong thời gian sống chung bà U tổ chức góp hụi (chủ hụi) ông S đều biết và có cùng đi gom tiền hụi của các hụi viên (Trong đó có gom tiền hụi của ông Tr, bà Đ). Mặt khác, việc bà U tổ chức góp hụi thu tiền huê hồng mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yêu của gia đình. Do vậy, buộc ông S cùng có trách nhiệm liên đới với bà U trả cho ông Tr, bà Đ số tiền hụi vốn 52.800.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, Điều 228, Điều 338 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 468, và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Tr và bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông Phan Văn S và bà Lê Thị U cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr và bà Đ số tiền hụi là 52.800.000đ, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

2 - Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3 - Về án phí:

- Ông Phan Văn S và bà Lê Thị U phải cùng liên đới chịu 2.640.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Trương Văn Tr + bà Nguyễn Thị Đ 1.650.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15196 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

4 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHA DS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan